

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể và nền công nghiệp của Việt Nam đang ở trong giai đoạn chuẩn bị cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình công nghiệp hóa, ngành thép Việt Nam đảm nhận vai trò làm nền tảng cho ngành công nghiệp cơ khí, xây dựng nói riêng và cho toàn thể những ngành khác nói chung.

Ngành thép được coi là cơ sở ban đầu để thực hiện công nghiệp hóa, nó giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng như giao thông vận tải, thông tin, điện, nước...

Gắn liền với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường, ngành thép Việt Nam đã có những bước tiến bộ đáng kể như:

- Thông qua việc sáp nhập công ty kim khí và công ty thép thành Tổng Công Ty Thép Việt Nam, đã sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, bao gồm những nhà quản trị có trình độ cũng như cơ cấu lại tổ chức cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

- Phát triển sản xuất bằng các hình thức đầu tư mở rộng, liên doanh, liên kết với các công ty trong và ngoài nước.

Kết quả, sản lượng tăng dần qua hàng năm. Từ mức bình quân 200.000 tấn trong những năm 1992-1993, ngành thép Việt Nam dự kiến tăng sản lượng lên từ 1 đến 1,2 triệu tấn trong năm 1997. Tuy nhiên, ngành thép vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định trong việc sản xuất cũng như cung cấp sản phẩm.

Vấn đề khó khăn cho ngành thép Việt Nam, không phải là việc đòi hỏi đáp ứng về chất lượng sản phẩm. Bởi lẽ, ngành thép đã nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách trang bị lại dây chuyền thép cán hiện đại cho một số nhà máy trọng điểm như Nhà máy Cán Thép Thái Nguyên, Nhà máy ViCaSa, Nhà máy ViKimCo hoặc ngành thép liên doanh với nước ngoài để xây dựng thêm một số nhà máy như Nhà máy thép Bà Rịa (liên doanh Việt Nhật), Nhà máy thép Đà Nẵng....

Khó khăn trên càng không phải về số lượng. Vì trong những năm 1995-1996 đã xảy ra tình trạng thép xây dựng không tiêu thụ được, ngành thép tồn đọng một số lượng sắt thép khá lớn, gần bằng 1/3 sản lượng sản xuất trong nước.

Vấn đề khó khăn ở đây là ngành thép Việt Nam phải nhận biết rõ nhu cầu về chủng loại sắt thép. Nghĩa là, ngành thép phải định được cơ cấu mặt hàng sắt thép

ở từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, trước khi quyết định đầu tư, sản xuất kinh doanh hàng loạt, nhằm tránh tình trạng lãng phí, tồn đọng sau này.

Bất kỳ ở một quốc gia nào, nhu cầu sản phẩm thép cần cho một nền kinh tế rất đa dạng về chủng loại và qui cách như là thép cán, thép tấm, thép hình, thép hợp kim....

Nghiên cứu cơ cấu mặt hàng sản phẩm thép cần sử dụng ở một số nước đã thực hiện công nghiệp hóa và trở thành nước công nghiệp phát triển, chúng ta có thể rút ra được những số liệu kinh nghiệm, cho thấy, ở các nước khác nhau, có những đặc trưng giống nhau về mối quan hệ trong cơ cấu chủng loại và qui cách như sau:

Trong thời kỳ công nghiệp hoá, các nước thường chú trọng vào việc đầu tiên là xây dựng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc thông tin, xây dựng nhà xưởng. Trong giai đoạn này, tùy theo điều kiện của mỗi nước mà xác định một ngành mũi nhọn cho phù hợp. Ví dụ như:

Hàn Quốc bước đầu xây dựng hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc hoàn thiện rồi mới đi lên từ công nghiệp dệt, điện tử dân dụng, đóng tàu, rồi sang luyện kim, ô tô, điện tử cao cấp và tin học.

Đài Loan trước khi tiến hành công nghiệp hoá với ngành công nghiệp nhựa, điện, đóng tàu, luyện kim, điện tử cao cấp, tin học cũng đã hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc sản xuất, lưu thông hàng hoá.

Với vị trí địa lý đặc biệt chung quanh là biển, Hồng Kông đã cho xây dựng và nâng cấp một số

cảng biển, giao thông đường biển, đường bộ, sân bay,... Hồng Kông chọn ngành mũi nhọn cho mình là công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ chơi, dịch vụ cảng và các dịch vụ tài chính.

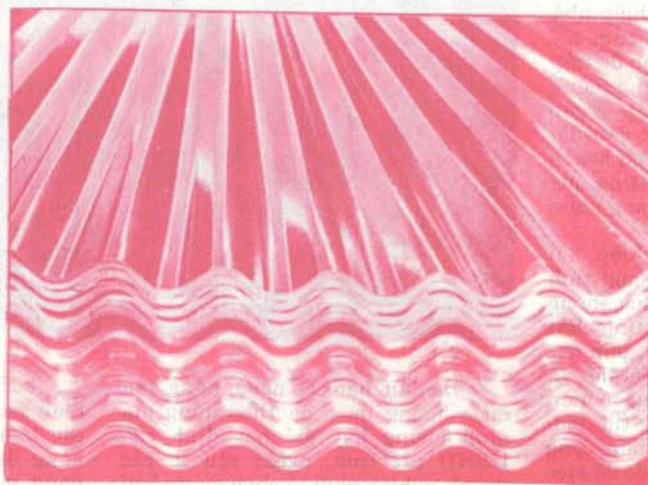
Nước Đức tiến hành công nghiệp hoá từ giữa thế kỷ 18 trên cơ sở thừa hưởng nhiều thành tựu cách mạng công nghiệp của các nước đi trước. Tuy nhiên, Đức cũng phải xây dựng cơ sở hạ tầng trước tiên rồi mới xây dựng ngành cơ khí là ngành trọng yếu cho quốc gia.

Tương tự, nước Anh tiến hành công nghiệp hoá trên cơ sở hệ thống giao thông bến cảng, sân bay,... đã được xây dựng. Sau đó, mới đẩy mạnh ngành công nghiệp chủ yếu là ngành dệt, trở thành một ngành then chốt đối với Anh.

Các nước trên, tùy thuộc vào những lợi thế sẵn có của nước mình đã lựa chọn và xây dựng những ngành mũi

CƠ CẤU TIÊU DÙNG MẶT HÀNG THÉP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thạc sĩ NGUYỄN MINH TUẤN



nhọn khác nhau, nhằm tiến hành việc công nghiệp hóa. Từ những thực tiễn trên, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét chung như sau :

- Các ngành trọng yếu, then chốt được xây dựng và phát triển trên cơ sở hệ thống cơ sở hạ tầng đã được nâng cấp và hoàn thiện

- Ngành mũi nhọn thường là các ngành công nghiệp nhẹ hoặc ngành cơ khí.

Nghiên cứu tỉ lệ sử dụng thép cán trong các ngành kinh tế ở một số nước trong thời kỳ công nghiệp hóa và trong thời kỳ công nghiệp phát triển, ta thấy có những sự biến đổi đáng lưu ý như sau :

Trong giai đoạn công nghiệp hóa, tổng số thép cán sử dụng trong 2 ngành xây dựng và giao thông vào thời điểm này thường chiếm tỉ lệ cao từ 60 % đến 70%.

Qua giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng, tỉ lệ này có xu thế chuyển dịch dần về phía ngành cơ khí và công nghiệp nhẹ. Lúc này, thép cán sử dụng cho các ngành công nghiệp sẽ chiếm tỉ lệ cao từ 60% đến 70% (giai đoạn công nghiệp phát triển) ngành giao thông sẽ hạ tỉ lệ sử dụng xuống còn khoảng 2% đến 5% và ngành xây dựng là 20% đến 30%.

Nghiên cứu một số nước ở giai đoạn công nghiệp phát triển, ta nhận thấy rằng số lượng thép hợp kim được sử dụng tăng dần cho đến một khoảng giới hạn nào đó.

- Từ năm 1960 đến năm 1972, tỉ lệ thép hợp kim sử dụng ở các nước đều tăng vọt, phù hợp với giai đoạn phát triển công nghiệp ở các nước này.

- Sang giai đoạn 1993 - 1995 tuy nền công nghiệp vẫn phát triển mạnh nhưng tỉ lệ thép hợp kim sử dụng so với tổng số lượng thép sử dụng, không có sự chênh lệch cao. Nguyên nhân, là do những thành tựu của khoa học đã tìm ra được những vật liệu mới, thay thế phần nào cho thép hợp kim trong lĩnh vực công nghiệp. Ví dụ cắt gọt bằng tia laser thay thế việc cắt gọt bằng thép hợp kim... Đến đây, tỉ lệ trên đang gần tới tỉ lệ giới hạn cao.

Tỉ lệ giới hạn cao của một sản phẩm là tỉ lệ so sánh giữa một sản phẩm này với một sản phẩm khác, ví dụ như thép tấm với thép hình. Tỉ lệ này được tăng dần qua quá trình phát triển kinh tế của một nước. Đến một mức độ nào đó, tỉ lệ này sẽ không tăng nữa và qua hàng năm chỉ dao động phần nhỏ ở một khoảng giới hạn cao này.

Nghiên cứu việc sử dụng thép tấm và thép hình ở một số quốc gia như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, ta thấy như sau :

Trong những thập niên 60, là giai đoạn công nghiệp hóa của một số nước trên thế giới, ta có tỉ lệ thép hình chiếm tỉ trọng cao so với thép tấm. Sang giai đoạn phát triển, tỉ lệ của mặt hàng thép tấm so với thép hình, được tăng dần qua hàng năm và đạt giới hạn ở mức 50% - 60% trong tổng lượng thép sử dụng đối với nước công nghiệp phát triển. Mức phát triển này còn có thể tăng cao, tùy thuộc vào sự phát triển các ngành công nghiệp của một quốc gia có dùng nhiều sản phẩm thép tấm hay không? Những nước đang ở giai đoạn công nghiệp hóa tỉ lệ này thường vào khoảng 20%.

Trong giai đoạn đầu xây dựng công nghiệp gang thép, các nước thường sản xuất các mặt hàng thép cán loại nhỏ như thép tròn $\Phi 6$, $\Phi 8$,... $\Phi 16$,... $\Phi 24$; vuông 14 đến 40; thép ống tròn $\Phi 27$ đến $\Phi 100$... vì vốn đầu tư sản xuất các sản phẩm này tương đối thấp, công nghệ đơn giản và phù hợp với yêu cầu xây dựng trong giai đoạn đó, giai đoạn chuẩn bị công nghiệp hóa.

Qua giai đoạn công nghiệp hóa thì tỉ lệ thép tấm sẽ đạt dần đến giới hạn cao từ 50 đến 60%. Trong giai đoạn này, do sự phát triển của nhiều ngành sản xuất như cơ khí đóng tàu, cơ khí sửa chữa, ngành sản xuất xe hơi, các máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Thép tấm được sản xuất theo 2 loại rõ rệt là thép tấm mỏng, thép tấm dày và trung bình.

* Thép tấm mỏng là loại thép tấm có độ dày từ 3 m/m trở xuống

* Thép tấm dày và trung bình là thép tấm từ 3 m/m trở lên

Tùy theo sự phát triển và thế mạnh công nghiệp của mỗi nước mà tỉ lệ sản xuất thép tấm mỏng và thép tấm dày, trung bình có khác nhau, tỉ lệ dao động từ 60 đến 75%.

Ta thấy trong giai đoạn 1990 - 1995, tỉ lệ thép tấm dày và trung bình tăng ở các nước Mỹ và các nước EC, điều này phù hợp với việc gia tăng sản xuất các khí tài, quân trang quân dụng như xe tăng, tàu chiến... phục vụ cho chiến tranh vùng Vịnh, nội chiến ở Châu Phi.... Trong giai đoạn này, tỉ lệ thép tấm dày và trung bình lại giảm ở một số nước phát triển ở khu vực Châu Á như Hàn Quốc. Điều này, phù hợp với tình hình kinh tế Hàn Quốc đang phát triển mạnh ngành công nghiệp xe hơi, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng như máy giặt, tủ lạnh, máy lạnh, bếp gas...

Dựa vào việc thu thập và phân tích những thông tin trên và dựa vào tình hình thực tế của Việt Nam hiện nay đang trong thời kỳ xây dựng, chuẩn bị cơ sở vật chất cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chúng ta có thể đưa ra một tỉ lệ tương đối hợp lý trong cơ cấu mặt hàng sản phẩm thép cán như sau : (Xem bảng)

BẢNG TỈ LỆ SẢN PHẨM THÉP SỬ DỤNG TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

Đơn vị tính : Phần trăm (%)						
S T T	Loại thép	Ngành CN cơ khí	Ngành xây dựng	Ngành giao thông	Các ngành khác	Tổng cộng
1	Thép hình (I,U,V ...)	10.5	34	18	1.5	64
2	Thép tấm mỏng	14	4	3	2	23
3	Thép tấm dày và TB	5	2	3	0.3	10.3
4	Thép hợp kim các loại	1.5	0.4	0.5	0.3	2.7
		31	40.4	24.5	4.1	100

Nguồn : * Tạp chí Công nghiệp nặng 1995

* Ironmaking and steelmaking 1996

- Việt Nam đang ở trong thời kỳ xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, mở rộng giao thông do đó rất cần một số lượng thép lớn chủ yếu là thép hình dùng trong xây dựng như thép tròn, thép góc, thép U, thép I... do đó tỉ lệ thép hình trong tổng số tỉ lệ thép cán sử dụng là khoảng 60% - 65%. Điều này, cũng phù hợp với số liệu nghiên cứu của các chuyên gia Liên Hiệp Quốc.

- Ngành công nghiệp của Việt Nam còn lạc hậu, chủ yếu là sản xuất nhỏ và vừa, máy móc thiết bị chưa được trang bị hiện đại, sản xuất chủ yếu là hàng tiêu dùng trong nước, thuộc ngành công nghiệp nhẹ, do đó tỉ lệ thép tấm mỏng cao hơn thép tấm trung bình, dày vào khoảng 23% và 10,3% là hợp lý.

Trong tương lai, khi Việt Nam đã tiến hành quá trình công nghiệp hoá thì tỉ lệ này có xu hướng biến đổi như sau :

- Tỉ lệ thép tấm sẽ tăng cao so với thép hình

- Tỉ lệ sản phẩm thép sử dụng trong ngành công nghiệp và cơ khí sẽ tăng lên và giảm dần ở các ngành giao thông, xây dựng

Việc nghiên cứu và phân tích tình hình sử dụng các mặt hàng, chủng loại sắt thép của một số nước, đã hoàn tất quá trình công nghiệp hóa trước Việt Nam và đang ở trong giai đoạn phát triển, nhằm giúp cho các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chiến lược có thêm một số tư liệu trong việc quyết định lựa chọn cơ hội kinh doanh để đầu tư, phát triển ngành thép Việt Nam. ■